

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HÒA

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Lê Thúy Phượng**

Các Thẩm phán:

Bà Trần Thị Kim Hải

Bà Trần Thị Thanh Tuyết

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Ngọc Ánh** – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa:

Ông Phạm Bai – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 6 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 73/2018/TLPT-HS ngày 08 tháng 5 năm 2018 đối với bị cáo Nguyễn Văn A do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 71/2018/HS-ST ngày 21 tháng 03 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Khánh Hòa.

- Bị cáo có kháng cáo:

Nguyễn Văn A – sinh năm 1984 tại TP. B, tỉnh Khánh Hòa; trú tại: Số 65/30 đường A1, xã A2, thành phố B, tỉnh Khánh Hòa; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn A3 và bà Nguyễn Thị A4; vợ là Phan Ý A5 (đã ly hôn) và có 01 con sinh năm 2016; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Vào ngày 16/5/2016, Nguyễn Văn A và vợ là chị Phan Ý A5 đến tiệm cầm đồ C ở địa chỉ 18 đường D, tổ 10, phường Đ, thành phố B do anh Hoàng Văn E làm chủ, để bán chiếc xe máy Honda-Airblade mang biển kiểm soát 79N1-597.85 (giấy chứng nhận đăng ký xe mang

tên Phan Ý A5) với giá 25.000.000 đồng. Đến ngày 17/8/2016, Nguyễn Văn A thuê lại của anh E chiếc xe trên để sử dụng, thời hạn thuê là 03 tháng, với giá thuê là 54.000 đồng/ngày. Sau khi hết thời gian của hợp đồng thuê xe, A thỏa thuận miệng với anh E tiếp tục thuê chiếc xe máy trên.

Khoảng đầu tháng 12/2016, A đem chiếc xe máy trên đến tiệm cầm đồ G ở địa chỉ 275 đường H, phường I, thành phố B do ông Vũ Văn G làm chủ cầm thế với số tiền 20.000.000 đồng. Trong thời gian cầm thế xe cho ông G, A vẫn trả tiền thuê xe cho anh E.

Đến đầu tháng 3/2017 do không có tiền tiêu xài và không có tiền chuộc lại xe máy trên, A nói dối với chị A5 là đã thuê lại chiếc xe máy trên của anh E nhưng làm mất giấy chứng nhận đăng ký xe và nhờ chị A5 đến Phòng cảnh sát giao thông Công an tỉnh Khánh Hòa làm thủ tục cấp lại giấy chứng nhận đăng ký xe lần 2 và được cấp giấy hẹn số 056312 ngày 13/4/2017. Để bán được xe, A đưa giấy hẹn và nói dối anh Nguyễn Minh K (sinh năm 1989, trú tại số 854 đường H, phường M, thành phố B) là chiếc xe máy này là của vợ chồng A, chưa có mua bán, tranh chấp. Sau khi kiểm tra giấy tờ, anh K tin và đồng ý mua xe với giá là 28.000.000 đồng, A dùng số tiền này trả cho ông G 25.500.000 đồng gồm tiền cầm thế xe máy và tiền mượn trước đó, còn lại 2.500.000 đồng, A tiêu xài hết. Đến ngày 22/5/2017, anh K bán chiếc xe máy trên cho tiệm sửa xe máy Hoàn L ở địa chỉ tổ 20 đường L1, phường I, thành phố B do ông Lê Hoàn L làm chủ với giá là 31.000.000 đồng. Khi ông L treo biển bán chiếc xe máy này, thì anh E phát hiện, báo công an.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 241/TCKH ngày 09/8/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố B kết luận: chiếc xe máy Honda Airblade (BKS 79N1-597.85) có trị giá 25.895.000 đồng.

Bản án số 71/2018/HS-ST ngày 21 tháng 03 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Khánh Hòa quyết định:

Áp dụng khoản 1 Điều 139; điểm a khoản 1 Điều 140 của Bộ luật hình sự năm 1999; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 55 Bộ luật hình sự năm 2015. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn A 09 (chín) tháng tù về tội "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*" và 06 (sáu) tháng tù về tội "*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*"; tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội là 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam thi hành án.

Ngoài ra bản án còn quyết định về trách nhiệm dân sự, án phí, quyền và nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo theo quy định.

Ngày 27/3/2018, bị cáo Nguyễn Văn A có đơn kháng cáo với nội dung đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Tại phiên tòa, bị cáo giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hòa đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bị cáo và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

* Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của bị cáo còn trong thời hạn, nên xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

* Về nội dung:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo vẫn khai nhận hành vi phạm tội của mình. Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra, tại phiên tòa sơ thẩm và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, thể hiện:

Chị Phan Ý A5 (vợ cũ của bị cáo) đã bán chiếc xe máy Honda- Airblade mang biển kiểm soát 79N1-597.85 (giấy đăng ký xe mang tên chị A5) cho anh Hoàng Văn E ở địa chỉ 18 đường D, tổ 10, phường Đ, thành phố B với giá 25.000.000 đồng. Nhưng ngày 17/8/2016, bị cáo lại thuê chiếc xe máy trên của anh E để sử dụng. Sau đó, do không có tiền tiêu xài nên đầu tháng 12/2016 bị cáo đã đem chiếc xe máy trên thế chấp cho anh Vũ Văn G ở địa chỉ 275 đường H, phường I, thành phố B với số tiền 20.000.000 đồng.

Đầu tháng 3/2017 do không có tiền tiêu xài và chuộc lại xe máy trên, A đưa giấy hẹn đăng ký xe Honda- Airblade BKS 79N1-597.85 lần 2 của chị A5 cho anh Nguyễn Minh K trú tại số 854 đường H, phường M, thành phố B và nói dối anh K chiếc xe máy này là của vợ chồng bị cáo, chưa bán cho ai và không có tranh chấp, anh K tin A nói thật nên đã đồng ý mua xe với giá là 28.000.000 đồng.

[2] Như vậy, việc bị cáo lợi dụng lòng tin của anh Hoàng Văn E cho bị cáo thuê xe để làm phương tiện đi lại, nhưng sau khi có tài sản thuê được của anh Huế, bị cáo đã đem đi thế chấp cho anh Vũ Văn G để lấy tiền tiêu xài. Chiếc xe Honda- Airblade, biển kiểm soát 79N1-597.85 của anh E có trị giá 25.895.000 đồng. Như vậy, hành vi của bị cáo đã đủ dấu hiệu cấu thành tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*”.

[3] Ngoài ra, bị cáo còn dùng thủ đoạn gian dối, nói dối với chị A5 là đã thuê lại chiếc xe máy trên của anh E nhưng làm mất giấy chứng nhận đăng ký xe

và nhờ chị A5 đến Phòng cảnh sát giao thông Công an tỉnh Khánh Hòa làm thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký xe lần 2. Mặc dù, chiếc xe Honda-Airblade mang biển kiểm soát 79N1-597.85 (chị A5 đã bán cho anh Huế), nhưng bị cáo đã nói dối với anh Nguyễn Minh K là xe chưa có mua bán, tranh chấp, rồi đưa giấy hẹn lấy xe và sổ hộ khẩu cho anh K xem, làm cho anh K tin là thật nên đồng ý mua xe với giá là 28.000.000 đồng. Bằng thủ đoạn này bị cáo đã chiếm đoạt được số tiền trên của anh K. Như vậy, hành vi này của bị cáo đã đủ dấu hiệu cấu thành tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

Như vậy, cấp sơ thẩm xét xử bị cáo về tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*” theo khoản 1 Điều 139 Bộ luật hình sự năm 1999 và tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo điểm a khoản 1 Điều 140 Bộ luật hình sự năm 1999 là có căn cứ và đúng pháp luật.

[4] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác, mà còn gây mất trật tự an xã hội. Bản thân bị cáo có sức khỏe nhưng bị cáo không chí thú làm ăn lương thiện mà thực hiện nhiều hành vi phạm tội. Vì vậy, cần thiết phải xử phạt nghiêm đối với bị cáo để cải tạo, giáo dục bị cáo có ý thức tuân theo pháp luật và cải tạo, sửa chữa bản thân thành một công dân tốt.

[5] Xét kháng cáo của bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt, Hội đồng xét xử thấy rằng: Khi quyết định hình phạt đối với bị cáo, cấp sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, nhân thân của bị cáo và áp dụng đầy đủ các tình giảm nhẹ đối với bị cáo.

Mặc dù, sau khi xét xử sơ thẩm bị cáo đã bồi thường cho người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh Lê Hoàn L 03 triệu đồng (anh L đã xác nhận), nhưng cấp sơ thẩm cũng đã áp dụng tình tiết giảm nhẹ “đã bồi thường” đối với bị cáo. Mặt khác, mức án mà cấp sơ thẩm đã tuyên phạt bị cáo là tương xứng và đúng pháp luật, nên không chấp nhận kháng cáo của bị cáo mà giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[5] Về án phí: Kháng cáo của bị cáo không được chấp nhận, nên bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 355 và Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự.

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn A; Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Áp dụng khoản 1 Điều 139; điểm a khoản 1 Điều 140 của Bộ luật hình sự năm 1999; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 55 Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt: Bị cáo **Nguyễn Văn A 09 (chín) tháng tù** về tội "**Lừa đảo chiếm đoạt tài sản**" và **06 (sáu) tháng tù** về tội "**Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản**"; tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội là 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đi thi hành án.

2. Về án phí: Bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Khánh Hòa;
- Sở Tư pháp tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND TP. B;
- TAND TP. B;
- Công an TP. B;
- Chi cục THADS TP. B;
- Bị cáo;
- Lưu HS, án văn, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Thúy Phượng